TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2023/HS-ST
Ngày: 15-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Đức Dũng

Bà Lê Thị Ngọc Lâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 08 tháng 02 năm 1994; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T, sinh năm: 1962 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1960; có vợ Đoàn Thị Diễm H, sinh năm: 1982 và có 01 con; sinh năm 2016. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 25/9/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang tại ngoại, *có mặt tại phiên tòa;*

- ***Bị hại:*** Anh Lương Hữu T, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Phan Tuấn K, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; *có mặt.*

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn L, xã P, thị xã Đ, tỉnh Q; *vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 10 phút ngày 06/7/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 59K1 - 525.46 của chị Trần Thị H theo đường Quốc lộ 1A từ thành phố Q để về lại nhà trọ ở thôn 7, xã Đ, huyện M. Khi đến trước nhà số 306 đường Nguyễn H, tổ dân phố , thị trấn L, huyện T thì phát hiện trên vỉa hè phía Tây có một xe mô tô, biển kiểm soát 76E1-399.33 nhãn hiệu HONDA, loại VISION màu trắng, đang dựng tại đây, không có người trông coi, chìa khoá xe để trong hộc trước đầu xe phía bên phải. Lúc này, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên T điều khiển xe đi vòng lại, đến cách xe 76E1-399.33 khoảng 10m thì dừng lại, đi bộ đến sử dụng chìa khoá ở trong hộc phía trước để mở khóa xe thì thấy xe nổ máy nên T điều khiển xe 76E1-399.33 đi đến Cây xăng dầu V thuộc xã N, huyện T để gửi chiếc xe 76E1-399.33 vừa trộm cắp được. Sau đó, T thuê xe ôm quay lại nơi để xe 59K1 - 525.46 điều khiển xe quay lại Cây xăng V và gửi xe 59K1 - 525.46 tại điểm nhận hàng D bên cạnh Cây xăng V. Gửi xe xong, T điều khiển xe 76E1-399.33 về nhà trọ ở thôn 7, xã Đ, huyện M cất giấu và đi ngủ.

Đến khoảng 08 giờ ngày 07-7-2023, Nguyễn Văn T kiểm tra bên trong cốp xe 76E1-399.33 thì phát hiện có nhiều giấy tờ trong đó có 01(một) chứng minh nhân dân và 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy BKS 76E1-399.33 đều mang tên Lương Hữu T. T điều khiển xe trên đến tiệm Cầm đồ 68 tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Q do Phan Tuấn K làm chủ để cầm cố xe 76E1-399.33 với giá 11.000.000 đồng. Tại đây, T sử dụng chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy mang tên Lương Hữu T để làm hợp đồng cầm cố. Số tiền này, Nguyễn Văn T dùng trả tiền nhà trọ và mua đồ dùng cá nhân cho gia đình hết 7.900.000đồng, còn lại 3.100.000đồng bị Cơ quan Công an tạm giữ. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

** Vật chứng thu giữ:*

- Số tiền 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng);

- 01 (một) giấy phép lái xe số 510030004278, hạng A1, mang tên Lương Hữu T, cấp ngày 04/01/2021;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển kiểm soát: 59K1 - 525.46 mang tên Đặng Thanh P;

- 01 (một) ví da màu nâu;

- 01 (một) xe máy BKS: 59K1 – 52546;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone, mặt sau màu vàng, mặt trước màu trắng (không kiểm tra bên trong) được đựng trong một bì thư mặt trước có dòng chữ "CÔNG AN HUYỆN TƯ NGHĨA" mặt sau được dán kín có chữ kí của các ông Phùng Thanh V, Huỳnh Ngọc H, Nguyễn Văn T;

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, mang tên Lương Hữu T, SN 1983, trú tại tổ dân p, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Hữu T, SN 1983, trú tại xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Q;

- 01 (một) giấy cầm đồ mang tên Lương Hữu T;

- 01 (một) xe mô tô BKS: 76E1-399.33 nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu trắng;

- 01 (một) bảo hiểm y tế mang tên Lương Hữu T;

- 01 (một) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mang tên Lương Hữu T.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION BKS: 76E1-399.33; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 76E1-399.33 mang tên Lương Hữu T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Hữu T; 01 (một) giấy phép lái xe số 510030004278, hạng A1, mang tên Lương Hữu T, cấp ngày 04/01/2021. 01 (một) bảo hiểm y tế mang tên Lương Hữu T; 01 (một) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mang tên Lương Hữu T cho anh T. Anh T đã nhận và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 044044, biển kiểm soát: 59K1 – 525.46 mang tên Đặng Thanh P và 01 (một) xe máy BKS: 59K1 – 525.46. Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định tài sản này của chị Trần Thị H mua lại của anh Đặng Thanh P. Ngày 06/7/2023, T mượn xe của chị H để đi nên chị H không biết T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, Cơ quan quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị H.

** Về kết luận trưng cầu định giá tài sản:*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát: 76E1-399.33, nhãn hiệu HONDA, loại xe: VISION, màu sơn: Trắng, số máy: JF66E0046746; số khung: 5815GY046707. Xe đã qua sử dụng là: 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

** Về trưng cầu giám định:*

Tại Bản Kết luận giám định số 742/KL-KTHS, ngày 20 tháng 8 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

Chữ viết "Thanh Lương Hữu T" dưới mục "NGƯỜI CẦM ĐỒ" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của ông Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu là M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra.

**Các tình tiết có liên quan trong vụ án:*

- Đối với Phan Tuấn K chủ tiệm Cầm đồ 68 tại địa chỉ Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Q khi nhận cầm cố 01 (một) xe mô tô BKS: 76E1-399.33 nhãn

hiệu Vision, màu trắng từ Nguyễn Văn T không biết tài sản này do T phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Tuấn K về hành vi "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Quá trình kiểm tra cốp xe mô tô BKS: 76E1-399.33 T lấy một số giấy tờ trong cốp xe gồm: 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) thẻ Ngân hàng Vietcombank, 01 (một) thẻ Ngân hàng Agribank đều mang tên Lương Hữu T vứt xuống sông, ngay cầu V, thị trấn M, huyện M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy. Bị hại anh Lương Hữu T không yêu cầu bồi thường đối với những giấy tờ này.

*****Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 04-10-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Văn T **12** (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/11/2023). Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền 3.100.000đồng (*Ba triệu, một trăm nghìn đồng)* cho anh Phan Tuấn K, vì đây là tiền do phạm tội mà có. Tuyên trả lại 01 điện thoại di động và 01 ví da cho bị cáo Nguyễn Văn T. Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy cầm đồ mang tên Lương Hữu T.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Thống nhất không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của chị H không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì lời khai của chị H đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 10 phút ngày 06-7-2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát: 59K1 - 525.46 từ thành phố Q về huyện M. Khi đi đến đoạn đường thuộc số nhà 306 đường Nguyễn H, tổ dân phố , thị trấn L, huyện T thì phát hiện có một xe mô tô, biển kiểm soát số 76E1-399.33, nhãn hiệu Honda loại Vision màu trắng, đang dựng trước nhà không có người trông coi, chìa khoá xe để trên xe, Nguyễn Văn T đã nhanh chóng lén lút trộm cắp chiếc xe máy trên mang về nhà trọ cất giấu, đến khoảng 08 giờ ngày 07-7-2023 T đã điều khiển xe đến tiệm Cầm đồ để cầm cố với số tiền 11.000.000đồng (*Mười một triệu đồng*). Sự việc trên đã bị tố giác và Nguyễn Văn T đã bị Công an bắt giữ. Hội đồng định giá tài sản đã định giá xe mô tô biển số 76E1-399.33 có giá trị là 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng)*.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:*

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng do nhất thời nảy định lòng tham đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, cũng cần cân nhắc và xem xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại và tại phiên toà bị hại cũng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hơn nữa, trong quá trình điều tra bị cáo cũng đã bị tạm giam trong 01 khoảng thời gian nhất định, qua thời gian tạm giam cũng đủ sức giáo dục và răn đe đối với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có phần quá nghiêm khắc và không cần thiết, cần áp dụng

Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra cũng đủ sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả. Tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên thuộc trường hợp quy định tại điểm điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần phải xem xét các tình tiết này khi áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bội luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả lại số tiền 3.100.000đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) cho anh Phan Tuấn K, vì đây là tài sản do phạm tội mà có.

- Tuyên trả lại 01 (một) điện thoại di động và 01 (một) ví da cho Nguyễn Văn T.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy cầm đồ mang tên Lương Hữu T.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/11/2023). Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù của Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

2. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bội luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả lại số tiền 3.100.000đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng)* cho anh Phan Tuấn K, vì đây là tài sản do phạm tội mà có *(theo biên lai thu tiền số 0001352 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân huyện Tư Nghĩa).*

- Tuyên trả lại 01 (một) điện thoại di động và 01 (một) ví da cho Nguyễn Văn T (*theo biên bản giao nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/10/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa*).

- Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy cầm đồ mang tên Lương Hữu T.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Trần Thị H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- CQCSĐT Công an huyện Tư Nghĩa ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Phòng NVLT Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi Cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na